

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2016/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 27 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia và các giải thi đấu của tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1438/TTr-SVHTTDL ngày 17/6/2016; Báo cáo thẩm định số 111/BC-STP ngày 13/6/2016 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia và các giải thi đấu của tỉnh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định về mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia và các giải thi đấu của tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với vận động viên và huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia và các giải thi đấu của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/7/2016; thay thế Quyết định số 2875/2005/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 của UBND tỉnh về việc quy định các chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên và các chế độ khác phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao tại địa phương.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia và các giải thi đấu của tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2016/QĐ-UBND ngày /6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

MỨC THƯỞNG ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN LẬP THÀNH TÍCH TẠI CÁC ĐẠI HỘI, GIẢI VÔ ĐỊCH THỂ THAO QUỐC GIA

Điều 1. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích trong thi đấu

1. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia:

- Huy chương vàng: 5.000.000 đồng;
- Huy chương bạc: 3.000.000 đồng;
- Huy chương đồng: 2.000.000 đồng;
- Phá kỷ lục được cộng thêm bằng mức thưởng huy chương đồng.

2. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu của giải vô địch trẻ quốc gia

- Giải thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: Mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, Điều 1 quy định này;

- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: Mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, Điều 1 quy định này;

- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, Điều 1 quy định này;

- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, Điều 1 quy định này.

3. Mức thưởng đối với các môn thể thao tập thể:

Số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với mức thưởng tương ứng tại khoản 1, 2, Điều 1 quy định này.

4. Mức thưởng đối với các môn thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi):

Số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng tại khoản 1, 2, Điều 1 quy định này.

Điều 2. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia

1. Đối với môn thi đấu cá nhân:

Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

2. Đối với môn thi đấu tập thể:

a) Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được hưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải.

b) Số lượng huấn luyện viên của các đội được xét thưởng được quy định theo mức sau:

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 2 đến 5 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên;

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên;

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

3. Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội:

Mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại khoản 2, Điều 2 quy định này nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

Điều 3. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao dành cho người khuyết tật

Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao dành cho người khuyết tật được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng tại Điều 1, 2 quy định này.

Chương II

MỨC THƯỞNG ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN LẬP THÀNH TÍCH TẠI GIẢI THI ĐẤU CỦA TỈNH

Áp dụng đối với các bộ môn: Điền kinh, Bơi lội, Bóng bàn, Cầu lông, Đá cầu, Quần vợt, Cờ tướng, Cờ vua, Bida, Thể dục, Aerobic, Các môn võ và các môn thể thao dân tộc; Bóng đá (11 người, 7 người, 5 người); Bóng chuyền; Bóng rổ; Bóng ném.

Điều 4. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu của tỉnh

1. Mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các giải thi đấu của tỉnh:

- Huy chương vàng: 700.000 đồng;
- Huy chương bạc: 500.000 đồng;
- Huy chương đồng: 300.000 đồng.

2. Mức thưởng đối với các môn thể thao tập thể:

Số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với mức thưởng tương ứng tại khoản 1, Điều 4 quy định này.

3. Mức thưởng đối với các môn thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi):

Số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng tại khoản 1, Điều 4 quy định này.

Điều 5. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu của tỉnh

1. Đối với môn thi đấu cá nhân:

Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

2. Đối với môn thi đấu tập thể:

a) Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì

được hưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải.

b) Số lượng huấn luyện viên của các đội được xét thưởng theo mức sau:

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 2 đến 5 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên;

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên;

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

3. Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội: Mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại khoản 2, Điều 5 quy định này nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

Điều 6. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu của tỉnh dành cho người khuyết tật

Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại giải thể thao cấp tỉnh dành cho người khuyết tật được hưởng mức thưởng bằng mức thưởng tương ứng tại Điều 4, 5 quy định này.

Chương III KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 7. Kinh phí khen thưởng

1. Kinh phí khen thưởng quy định tại quy định này được bố trí trong dự toán ngân sách thể dục thể thao hàng năm theo chế độ hiện hành của Nhà nước về phân cấp quản lý ngân sách.

2. Tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia do cơ quan ra quyết định triệu tập huấn luyện viên, vận động viên chi trả.

3. Tiền thưởng cho vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu của tỉnh do đơn vị tổ chức giải chi trả.

4. Nhà nước khuyến khích các liên đoàn, hiệp hội thể thao, các đơn vị quản lý vận động viên, huấn luyện viên khai thác các nguồn hợp pháp để bổ sung thêm tiền thưởng và chế độ, chính sách khác đối với huấn luyện viên, vận động viên.

Điều 8. Các huyện, thị xã, thành phố, các ngành căn cứ khả năng ngân sách bố trí và các nguồn hợp pháp khác, chi trả tiền thưởng đối với các giải thể thao cấp mình tổ chức và chi tiền thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên thuộc quyền quản lý đạt thành tích tại giải thể thao cấp tỉnh, mức thưởng không vượt quá quy định này.

Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/09/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký

Hoàng Văn Trà